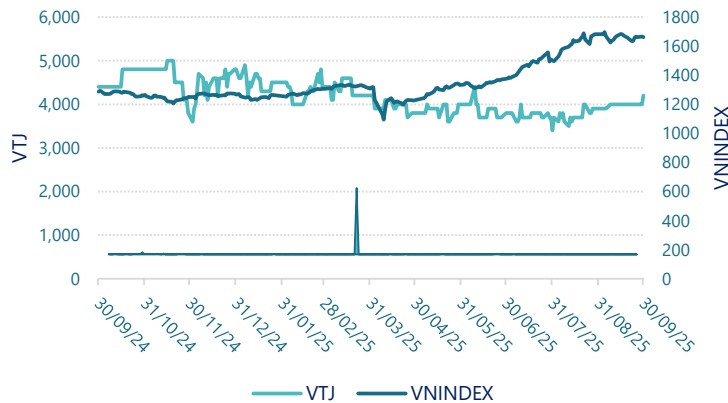




CTCP Thương mại và Đầu tư Vi na ta ba (HNX: VTJ)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	4,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	5,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,400
SL cổ phiếu LH	11,400,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,980
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	48
P/E	188.9
EPS	22

DT thuần

Q3/25

4.45

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.14 | 34.5%

YoY: ▲ 4.45 |

LN sau thuế

Q3/25

-0.19

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 0.57 | -150%

YoY: ▼ 0.21 | -1045%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

-4.2%

#VALUE!

DT thuần

9T 2025

7.76

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 7.76 |

LN sau thuế

9T 2025

0.04

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.20 | 127%

ROE

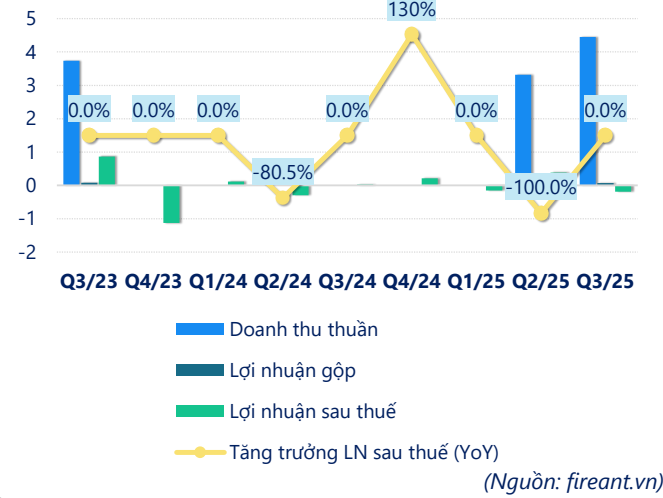
Q3/25

0.3%

+/- YoY: ▲ 1.6%

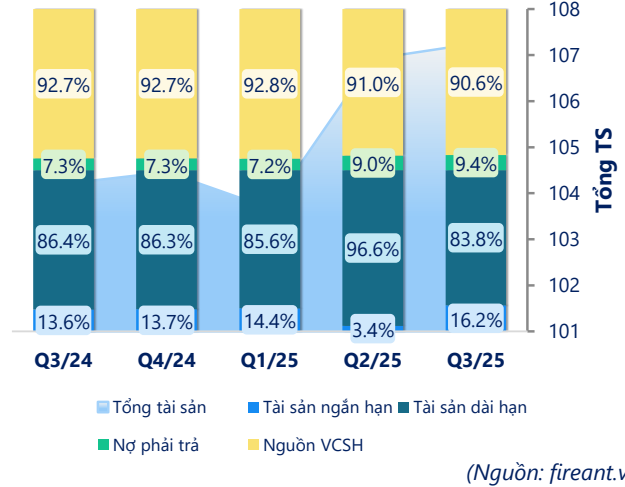
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

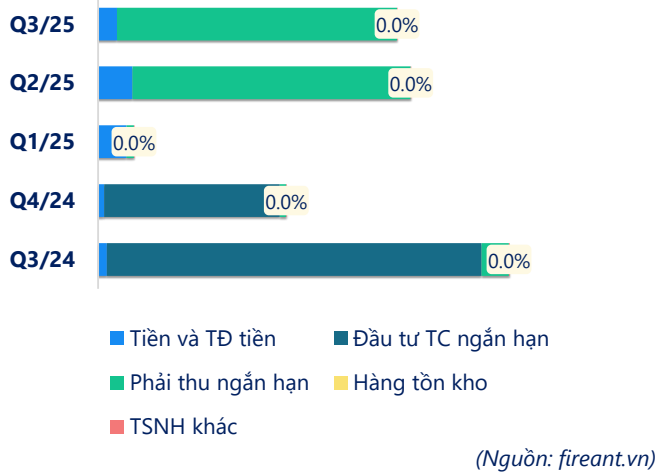


Cơ cấu Tổng tài sản

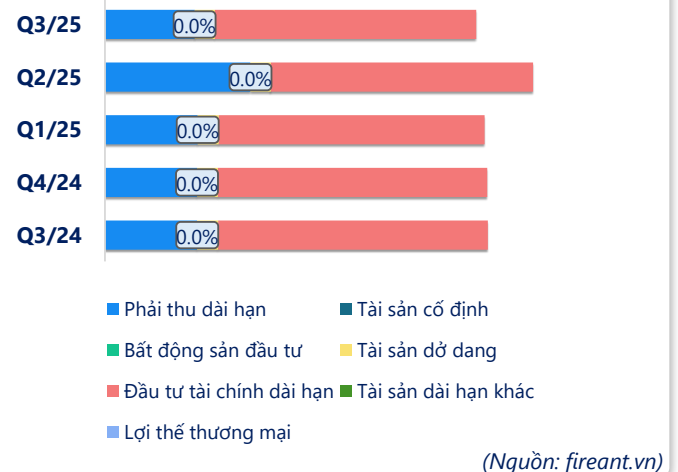
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

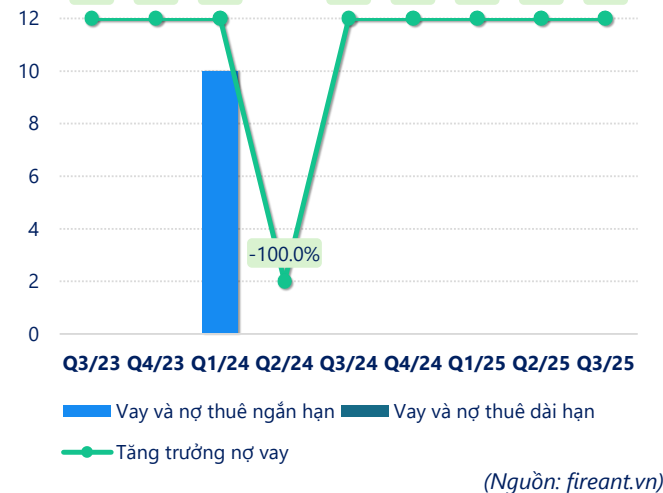


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



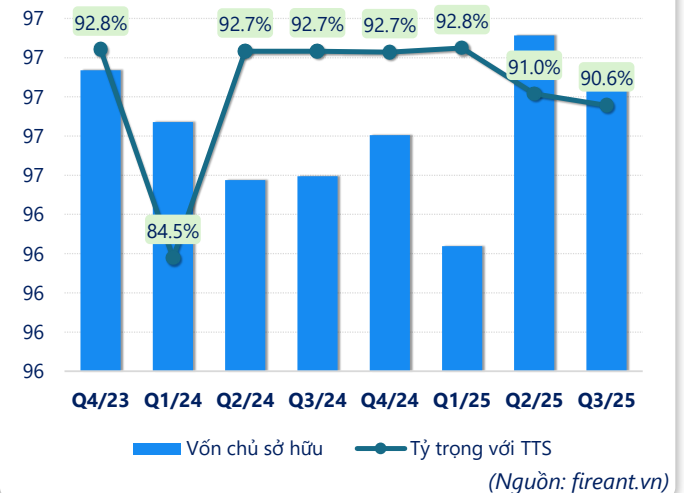
tỷ VNĐ

Nợ vay

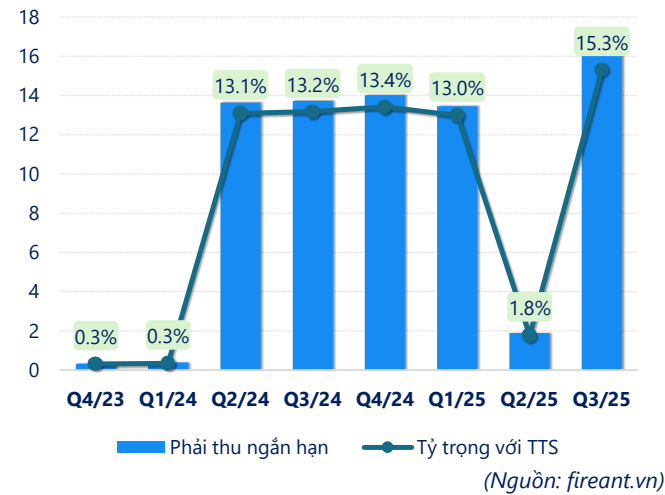


tỷ VNĐ

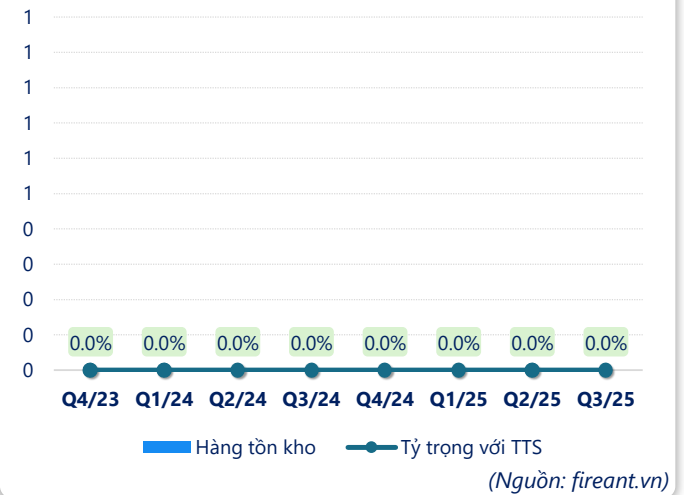
Vốn chủ sở hữu



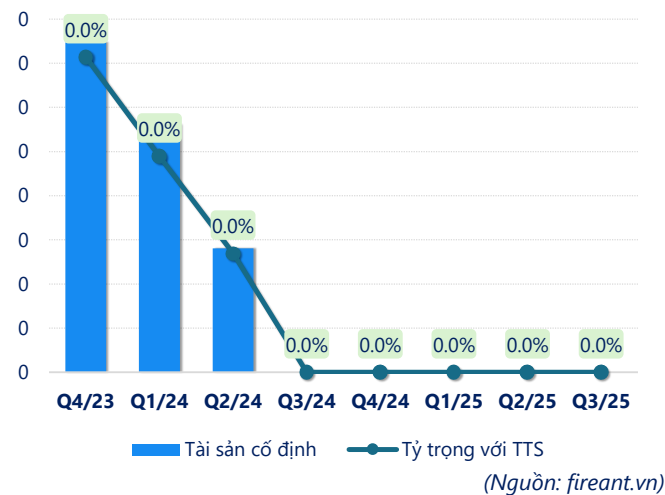
tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


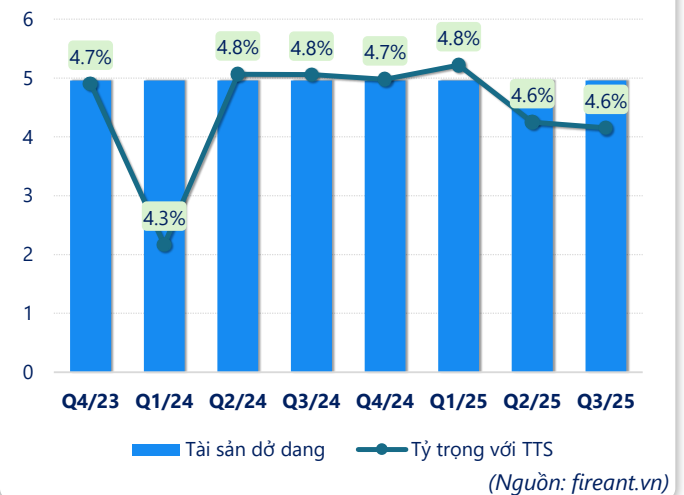
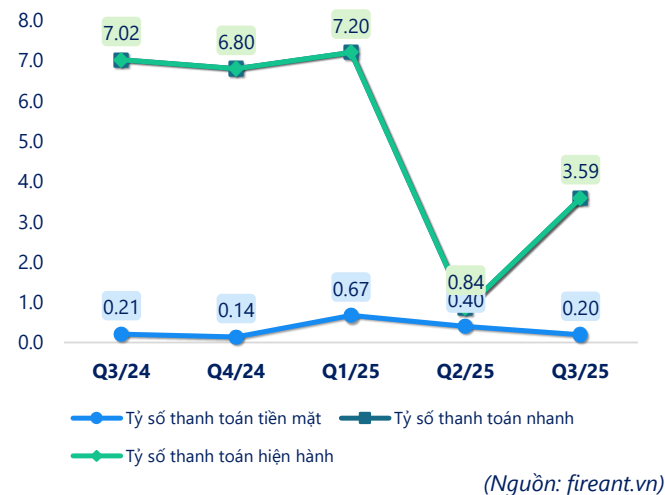
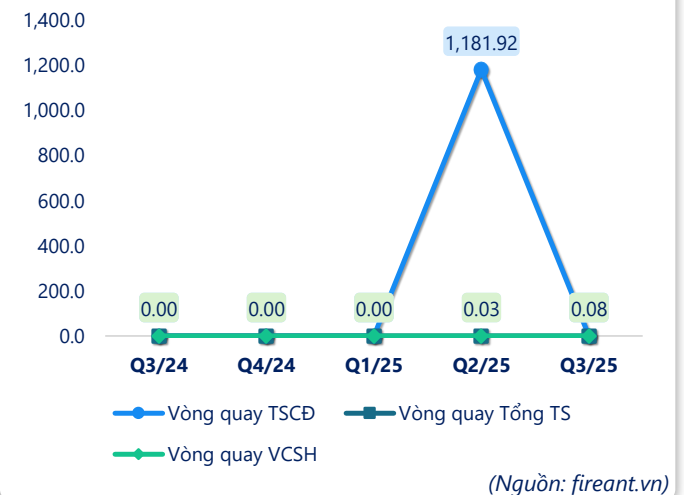
tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


tỷ VNĐ

Tài sản cố định


tỷ VNĐ

Tài sản dở dang

Chỉ số thanh khoản

Vòng quay tài sản


CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	104	104	104	107	107
Tài sản ngắn hạn	14.2	14.3	14.9	3.65	17.4
Tiền và tương đương tiền	0.43	0.29	1.39	1.72	0.95
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	13.7	14.0	13.5	1.90	16.4
Hàng tồn kho	0	0	0	0	0
Tài sản ngắn hạn khác	0.03	0.03	0.03	0.03	0.03
Tài sản dài hạn	90.0	90.1	88.8	103	89.9
Phải thu dài hạn	21.7	21.7	21.7	35.1	21.7
Tài sản cố định	0	0	0	0	0
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	4.96	4.96	4.96	4.96	4.96
Đầu tư tài chính dài hạn	63.4	63.5	62.1	63.2	63.2
Tài sản dài hạn khác	0	0	0	0	0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	7.60	7.66	7.44	9.61	10.1
Nợ ngắn hạn	2.02	2.11	2.07	4.33	4.85
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	0.08	0.08	0.08	2.35	2.95
Nợ dài hạn	5.58	5.55	5.37	5.28	5.28
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	96.6	96.8	96.2	97.3	97.1
Vốn chủ sở hữu	96.6	96.8	96.2	97.3	97.1
Vốn điều lệ	114	114	114	114	114
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)